

TP. HCM, ngày 24 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2024-2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2025-2026

Phần 1 - Tình hình sản xuất và kinh doanh cà phê niên vụ 2024-2025

I. Bối cảnh chung:

- Xung đột Nga-Ukraine vẫn tiếp tục kéo dài, thỏa thuận hòa bình giữa Israel và Hamas đã được ký kết nhưng vẫn chưa ổn định. Tình hình chính trị ở Trung Đông và một số khu vực còn bất ổn, nguy cơ chiến tranh vẫn có khả năng tiếp tục bùng nổ.

- Nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước 3 mối đe dọa lớn gồm thuế quan, bong bóng trí tuệ nhân tạo (AI) và nợ công tăng kỷ lục. Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh áp thuế 50% đối với hàng cà phê và một số mặt hàng khác nhập khẩu từ Brazil, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2025 và sau đó tiếp tục dọa áp thuế 100% đối với hàng hóa Trung Quốc từ ngày 1/11 đã làm dấy lên những lo lắng tác động đến thị trường năng lượng, chuỗi cung ứng và an ninh lương thực.

- Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) dự báo tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu sẽ chỉ đạt 0,5% vào năm 2026, giảm mạnh so với mức 2,4% trong năm 2025, phản ánh sự ảnh hưởng chậm trễ từ các mức thuế quan.

- Theo Cục Thống kê (Bộ Tài chính), GDP 9 tháng đầu năm 2025 của Việt Nam ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng

thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.

II. Tình hình cà phê thế giới:

1. Sản lượng và tiêu thụ cà phê thế giới:

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ 2025- 2026 được dự báo sẽ tăng thêm 4,3 triệu bao so với niên vụ 2024-2025, lên mức kỷ lục 178,7 triệu bao. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê toàn cầu được dự báo sẽ đạt 169,4 triệu bao.

Brazil: Dự báo trong niên vụ 2025- 2026 sản lượng sẽ đạt 65 triệu bao cà phê, tăng 300.000 bao so với niên vụ 2024-2025. Trong đó Arabica giảm 2,8 triệu bao xuống còn 40,9 triệu bao do ảnh hưởng của hạn hán và nhiệt độ cao tại Minas Gerais và Sao Paulo còn Conilon/Robusta tăng 3,1 triệu bao đạt kỷ lục 24,1 triệu bao nhờ lượng mưa thuận lợi tại bang Espirito Santo và Bahia. Dự báo tồn kho cuối vụ 2025- 2026 tăng lên 1,7 triệu bao.

Colombia: Dự báo sản lượng giảm 700.000 bao, xuống còn 12,5 triệu bao trong niên vụ 2025- 2026 do mưa lớn và mây nhiều làm gián đoạn thời kỳ ra hoa khiến năng suất giảm. Mặc dù các điều kiện này thuận lợi cho bệnh gỉ sắt phát triển, tỷ lệ phát hiện bệnh nhìn chung vẫn thấp nhờ các giống cây kháng bệnh chiếm tỷ lệ cao. Trong khi đó, theo dữ liệu từ FNC (Liên đoàn Cà phê Quốc gia Colombia), vụ mùa cà phê 2024-2025 của Colombia đạt 14,86 triệu bao (tăng 16,5% so với vụ 2023-2024), đánh dấu vụ mùa lớn nhất của Colombia trong hơn 30 năm qua.

Indonesia: Dự báo sản lượng niên vụ 2025- 2026 tăng thêm 550.000 bao, đạt 11,3 triệu bao. Trong đó, sản lượng robusta có thể đạt 9,8 triệu bao nhờ điều kiện canh tác thuận lợi tại các vùng đất thấp ở miền Nam Sumatra và Java, nơi chiếm khoảng 75% tổng sản lượng. Sản lượng arabica cũng dự kiến tăng nhẹ, đạt 1,5 triệu bao.

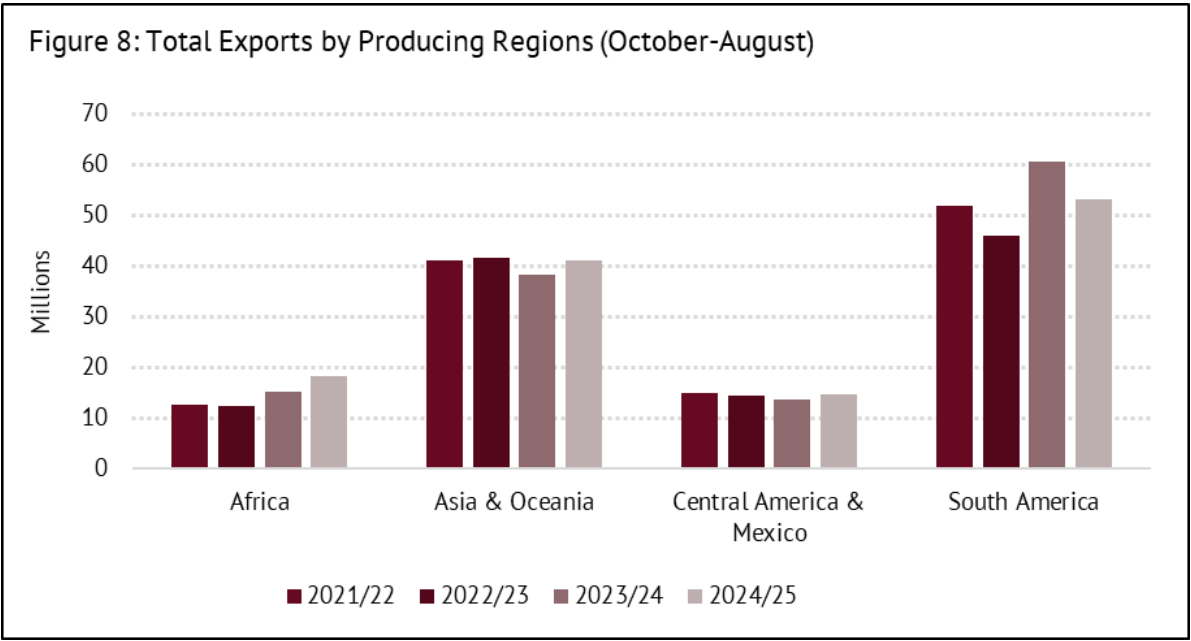
Ethiopia: Dự báo sản lượng niên vụ 2025- 2026 tăng 900.000 bao lên mức kỷ lục 11,6 triệu bao. Trong ba năm gần đây, sản lượng tăng mạnh nhờ việc thay thế

hơn một nửa diện tích trồng bằng các giống cà phê có năng suất cao hơn. Người trồng cũng được khuyến khích tỉa cành sau thu hoạch để cải thiện năng suất.

2. Tình hình xuất khẩu cà phê vụ 2024-2025 của thế giới:

Theo báo cáo mới nhất của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), xuất khẩu các loại cà phê toàn cầu trong 11 tháng đầu niên vụ 2024-2025 (từ tháng 10/2024 đến hết tháng 8/2025) đạt 127,92 triệu bao, tăng 0,2% so với mức 127,68 triệu bao của niên vụ 2023-2024.

Đồ thị 1 thể hiện xuất khẩu các nước trong từng khu vực: Châu Phi, Châu Á & Châu Đại Dương, Trung Mỹ & Mexico, Nam Mỹ



2.1. Xuất khẩu cà phê nhân:

Theo ICO, tính từ tháng 10/2024 đến tháng 8/2025, tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân giảm 0,7% xuống còn 111,48 triệu bao, so với 112,22 triệu bao trong giai đoạn từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 8 năm 2024. Niên vụ cà phê 2023/24 là niên vụ kỷ lục về xuất khẩu cà phê nhân với 125,44 triệu bao được xuất khẩu, khối lượng lớn nhất từng được ghi nhận.

* Cà phê nhân Arabica xuất khẩu trong 11 tháng đầu niên vụ 2024/25 đạt 70,46 triệu bao, giảm 0,5% so với mức 70,81 triệu bao trong cùng kỳ niên vụ cà phê 2023/24.

* Cà phê nhân Robusta xuất khẩu trong 11 tháng đầu niên vụ 2024/25 đạt 41,02 triệu bao, giảm 0,9% so với mức 41,41 triệu bao trong cùng kỳ niên vụ cà phê 2023/24.

Như vậy, tỷ trọng cà phê Arabica trong tổng lượng xuất khẩu cà phê nhân trong 11 tháng đầu niên vụ cà phê 2024/25 đã tăng lên 63,2% từ mức 63,1% cùng kỳ niên vụ 2023/24.

USDA dự báo xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu trong niên vụ 2025- 2026 tăng thêm 700.000 bao lên 122,3 triệu bao. Trong đó xuất khẩu cà phê nhân của Colombia dự báo giảm 500.000 bao, xuống 10,7 triệu bao do sản lượng thấp. Indonesia được kỳ vọng xuất khẩu cà phê nhân tăng 400.000 bao, lên 6,5 triệu bao nhờ sản lượng tăng. Xuất khẩu cà phê nhân của Ethiopia cũng được USDA dự báo tăng 800.000 bao, lên 7,8 triệu bao nhờ nguồn cung tăng.

2.2. Xuất khẩu cà phê chế biến:

Theo báo cáo của ICO, tổng lượng xuất khẩu cà phê hòa tan giảm 12,5% trong tháng 8 năm 2025 xuống còn 1,33 triệu bao từ mức 1,52 triệu bao trong tháng 8 năm 2024. Tỷ trọng cà phê hòa tan trong tổng khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê trong 11 tháng đầu niên vụ cà phê 2024/25 (từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 8 năm 2025) đã tăng lên 12,4%, so với mức 11,5% của cùng kỳ niên vụ cà phê 2023/24. Việt Nam là nước xuất khẩu cà phê hòa tan lớn nhất vào tháng 8 năm 2025, với 0,31 triệu bao.

Xuất khẩu cà phê rang xay giảm 57,3% trong tháng 8 năm 2025, đạt 0,03 triệu bao, so với 0,08 triệu bao trong tháng 8 năm 2024.

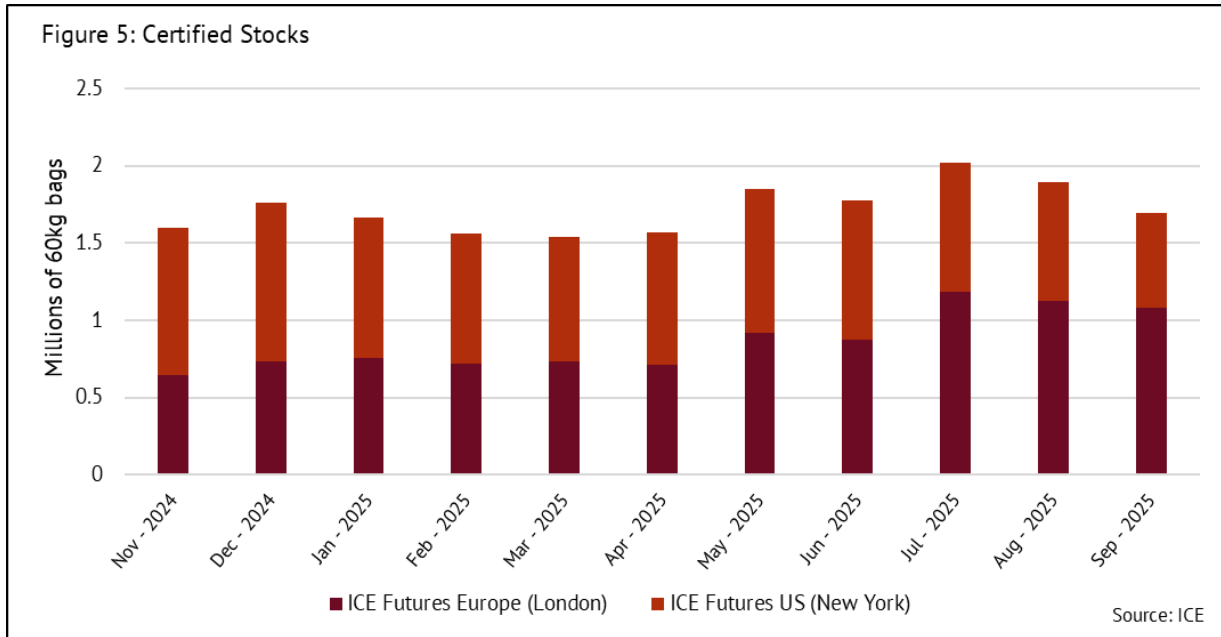
3. Tồn kho cà phê trên sàn New York và London niên vụ 2024-2025:

Theo báo cáo của ICO, tồn kho cà phê Robusta được chứng nhận tại London đã giảm 4,3% từ tháng 8 năm 2025 đến tháng 9 năm 2025, chốt tháng 9 ở mức 1,08 triệu bao. Tồn kho cà phê Arabica được chứng nhận tại New York cũng theo xu hướng tương tự, giảm xuống còn 0,66 triệu bao 60 kg, giảm 19,3% so với tháng 8 năm 2025.

Như vậy, trong niên vụ 2024/25, có thể thấy lượng tồn cà phê Robusta cao nhất được chứng nhận tại London là vào tháng 7/2025 với 1,18 triệu bao và lượng

thấp nhất vào tháng 11/2024 với 0,65 triệu bao; trong khi đó, lượng tồn cà phê Arabica cao nhất được chứng nhận tại New York là vào tháng 12/2024 với 1,03 triệu bao và lượng thấp nhất vào tháng 9/2025 với 0,62 triệu bao (Đồ thị 2).

Đồ thị 2 - Tồn kho cà phê trên sàn từ 11/2024 đến 9/2025



4. Tình hình giá cà phê niên vụ 2024-2025:

Theo báo cáo của ICO, giá cà phê Robusta trên thị trường kỳ hạn London trong tháng 9/2025 tăng 8,9% so với tháng 8 lên 197,56 cent Mỹ/lb, tương đương 4.356 USD/tấn. Trong khi đó, giá cà phê Arabica trên thị trường New York tăng 11,5% so với tháng 8 lên 366,31 cent Mỹ/lb.

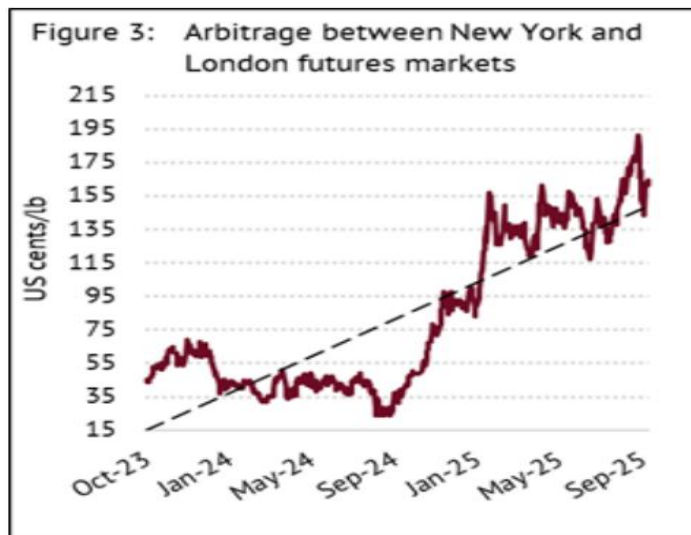
Mức chênh lệch giá tháng 9 năm 2025 giữa thị trường kỳ hạn London và New York tiếp tục tăng 14,7% so với tháng 8 lên 168,75 cent Mỹ/lb.

Như vậy, trong cả niên vụ 2024/25, trên sàn New York, giá cà phê Arabica trung bình tháng cao nhất vào tháng 2/2025 với 388,18 cent/lb, thứ 2 là tháng 3/2025 với 382,75 cent/lb, thấp nhất vào tháng 10/2024 với 250,62 cent/lb. Trong khi đó, trên sàn London, giá cà phê London trung bình tháng cao nhất vào tháng 2/2025 với 5.589 cent/lb, thứ 2 là tháng 3/2025 với 5.460 cent/lb, thấp nhất vào tháng 7/2025 với 3.383 cent/lb.

Cao nhất trên sàn kỳ hạn: Robusta 5.821 USD/tấn phiên 12/2/2025, Arabica 438,90 cent/lb phiên 13/2/2025.

Mức chênh lệch giá giữa thị trường kỳ hạn London và New York trong niên vụ 2024/25 cao nhất với 168,75 cent Mỹ/lb vào tháng 9/2025 trong khi thấp nhất là vào tháng 43,50 cent/lb vào tháng 10/2024 (Đồ thị 3).

Đồ thị 3 - Chênh lệch giá cà phê trên sàn kỳ hạn New York và London



III. Tình hình sản xuất kinh doanh cà phê niên vụ 2024-2025 của Việt Nam:

1. Tình hình sản xuất cà phê của Việt Nam niên vụ 2024-2025:

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê 2023 thì diện tích cà phê Việt Nam khoảng trên 720.000 ha. Trong đó 95% diện tích trồng cà phê Robusta, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh ở miền Đông Nam Bộ. Khoảng 5% diện tích trồng cà phê Arabica tập trung ở các tỉnh miền núi phía Bắc (Sơn La, Điện Biên), Lâm Đồng, Quảng Trị. Tổng sản lượng cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2024-2025 ước gần 29,5 triệu bao (hơn 1,7 triệu tấn), hơn 9% so với mức 26,79 triệu bao trong niên vụ 2023-2024 (niên vụ bị ảnh hưởng của thời tiết khô hạn nắng nóng, sản lượng thấp).

Cà phê niên vụ mới đang vào mùa thu hoạch. Nếu không có ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu (mưa bão vào tháng thu hoạch cao điểm: tháng 11, tháng

12/2025) thì sản lượng niên vụ này theo đánh giá từ nhiều nguồn khảo sát thì có thể tăng so với niên vụ cũ khoảng $\pm 10\%$. Lý do:

- Niên vụ vừa qua khí hậu thời tiết tương đối thuận lợi cho sự phát triển của cây cà phê.

- Giá cà phê tăng cao từ hơn 2 năm nay, trong 1 thời gian dài giá cà phê nội địa trên 100.000 đồng/kg, có thời điểm hơn 130.000 đồng/kg. Giá hiện tại ± 115.000 đồng/kg nên đã khuyến khích người nông dân và người lao động tăng đầu tư chăm sóc vườn cây (trong đó ngoài việc áp dụng quy trình sản xuất bền vững thì tập trung tái canh vườn cây với giống mới cho năng suất chất lượng cao).

Các giống mới, đặc biệt giống cà phê Robusta đã được Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên nghiên cứu chọn lọc và đưa vào thực tiễn sản xuất với năng suất và chất lượng cao. Giống cà phê Robusta thực sinh TRS1 được người nông dân ưa chuộng và tiêu thụ nhiều nhất (chiếm khoảng 85%), tiếp đó là đến các giống ghép TR4, TR9, TR11, cà phê dây, cà phê xanh lùn (chiếm khoảng 15%). Giống cà phê Arabica: chủ yếu Catimor, các giống cà phê Arabica mới lai tạo như: TN1, TN2, THA1 khả năng tiêu thụ còn ít.

Về năng suất thực tế vườn cây: các giống cà phê Robusta hiện tại vào giai đoạn kinh doanh ổn định đạt năng suất 4-5 tấn nhân/ha. Giống cà phê Catimor (Arabica) có năng suất 2,5-3 tấn nhân/ha.

Niên vụ cà phê 2025 - 2026 Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam có thể đạt hơn 31 triệu bao.

2. Tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam niên vụ 2024-2025:

Kết thúc niên vụ 2024-2025 (từ tháng 10-2024 đến tháng 9-2025), xuất khẩu cà phê của Việt Nam trên 1,5 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 8,4 tỷ USD, tăng 1,8% về khối lượng và tăng 55,5% về kim ngạch so với niên vụ 2023-2024. (Đây là mức kim ngạch cao nhất trong các niên vụ từ trước đến nay). Như vậy, giá xuất khẩu cà phê trung bình của Việt Nam đạt 5.610 USD/tấn, tăng 52,7% so với niên vụ trước.

Trong đó, tổng 9 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu $\pm 1,25$ triệu tấn cà phê, kim ngạch xuất khẩu hơn 7 tỷ USD, tăng 11,7% về khối lượng và tăng 62,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2024.

Tính riêng về xuất khẩu cà phê nhân sống thì 20 doanh nghiệp dẫn đầu về khối lượng xuất khẩu cà phê nhân sống trong niên vụ cà phê 2024-2025 chiếm thị phần 84,8% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân sống của Việt Nam, trong đó: Intimex Group (11,7%), Vĩnh Hiệp (10,3%), Louis Dreyfus Việt Nam (8,1%), Simexco Daklak (7,8%), Tuấn Lộc Commodities (6,7%), Intimex Mỹ Phước (5,3%), Volcafe Việt Nam (3,3%), Mascopex (3,1%), NKG Việt Nam (3,1%), Tín Thành Đạt (3%), Cát Quế (2,8%), Phúc Sinh (2,7%), Olam Việt Nam (2,6%), Hoa Trang - Gia Lai (2,4%), Atlantic Việt Nam (2,4%), Sucden Coffee Việt Nam (2,2%), Minh Huy (2,0%), Nestlé Việt Nam (1,9%), Dakman Việt Nam (1,8%), và Cofco International Việt Nam (1,7%). Trong 20 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hàng đầu có 9 doanh nghiệp FDI.

Nếu tính về kim ngạch xuất khẩu cà phê nhân sống thì 20 doanh nghiệp dẫn đầu chiếm thị phần 85,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê nhân sống của Việt Nam, trong đó: Intimex Group (11,3%), Vĩnh Hiệp (10,8%), Louis Dreyfus Việt Nam (8,3%), Simexco Daklak (7,7%), Tuấn Lộc Commodities (6,7%), Intimex Mỹ Phước (5,3%), Volcafe Việt Nam (3,3%), Mascopex (3,1%), Cát Quế (3,1%), Tín Thành Đạt (3%), NKG Việt Nam (2,9%), Phúc Sinh (2,7%), Nestlé Việt Nam (2,6%), Olam Việt Nam (2,5%), Atlantic Việt Nam (2,3%), Sucden Coffee Việt Nam (2,2%), Hoa Trang - Gia Lai (2,1%), Minh Huy (1,9%), Dakman Việt Nam (1,9%), và Cofco International Việt Nam (1,8%). Trong 20 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hàng đầu có 9 doanh nghiệp FDI.

Các doanh nghiệp FDI xuất khẩu cà phê nhân sống chiếm thị phần 29,8% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân và chiếm 30,6% về giá trị kim ngạch xuất khẩu cà phê nhân.

Xét về xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan trong niên vụ cà phê 2024-2025 thì 10 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu tính theo kim ngạch chiếm thị phần tới 85,3% có thể kể đến là: Nestlé Việt Nam (22,5%), Outspan Việt Nam (14,6%), Iguacu Việt Nam (9,4%), Cà phê Ngon (8,7%), Sucafina Việt Nam (7,5%), URC Việt Nam

(6,7%), Trung Nguyên (5,8%), ILD Coffee Việt Nam (3,9%), Tata Coffee Việt Nam (3,3%) và Instanta Việt Nam (2,9%).

Các doanh nghiệp FDI chiếm thị phần 80,3% về giá trị kim ngạch trong tổng xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan trong niên vụ cà phê 2024-2025.

Về thị trường xuất khẩu của cà phê Việt Nam trong niên vụ cà phê 2024-2025: Theo Cục Hải quan Việt Nam, ngoài số lượng đang ở kho ngoại quan thì niên vụ cà phê 2024-2025 vừa qua thị trường Đức dẫn đầu với 196.259 tấn (chiếm thị phần 13,0%), Italy đứng thứ 2 với 124.766 tấn (8,3%), Tây Ban Nha thứ 3 với 110.224 tấn (7,3%), Nhật Bản thứ 4 với 90.420 tấn (6,0%), Hoa kỳ thứ 5 với 88.025 tấn (5,8%), Algeria thứ 6 với thị phần 5,5%, Nga thứ 7 với thị phần 4,9%, Hà Lan thứ 8 với 4,3%, Bỉ thứ 9 với 3,3% và Trung Quốc thứ 10 với 3,2%.

Như vậy, Châu Âu vẫn là thị trường lớn nhất của cà phê xuất khẩu từ Việt Nam với khối lượng trên 710.000 tấn (chiếm 47,2%), kim ngạch trên 4 tỷ USD (chiếm 46,7%), trong đó 27 nước EU chiếm 40,1% tổng khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam và chiếm 39,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cà phê Việt Nam.

3. Tình hình nhập khẩu cà phê của Việt Nam niên vụ 2024-2025:

Kết thúc niên vụ 2024-2025, tổng khối lượng cà phê nhân mà Việt Nam đã nhập khẩu từ các nước khác trên thế giới là 109.681 tấn với kim ngạch 560 triệu USD, giảm 8,7% về khối lượng nhưng tăng 32,3% về kim ngạch so với niên vụ 2023-2024. Trong đó, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu cà phê nhân từ các nước: Indonesia (thị phần 26,7% về khối lượng), Brazil (25,9%), Lào (25,8%), Uganda (8%), Colombia (3,5%), Thái Lan (1,4%), Ấn Độ (1,1%), Papua New Guinea (0,9%), Trung Quốc (0,8%), Honduras (0,8%), Ethiopia (0,7%), Guatemala (0,6%), Công gô (0,3%), ...

4. Tình hình tiêu thụ nội địa niên vụ 2024-2025:

Niên vụ 2024-2025 Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh về thương hiệu, mức tiêu thụ nội địa cũng tăng nhưng chưa được như kỳ vọng. Niên vụ 2023-2024 mức tiêu thụ cà phê bình quân đầu người của Việt Nam khoảng 2,5 kg/người/năm và tới niên vụ 2024-2025 khoảng gần 3kg/người/năm. Trong khi đó

tiêu thụ cà phê bình quân đầu người ở Châu Âu khoảng 6-8 kg/người/năm, Brazil đạt tới 4,7 kg/năm. Tỷ lệ tiêu thụ cà phê nội địa của Việt Nam đạt gần 15% tổng sản lượng cà phê của cả nước, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ của Brazil là trên 35% tổng sản lượng cà phê của cả nước, Indonesia là trên 40%.

Mục tiêu từ nay đến năm 2030, tiêu thụ cà phê nội địa của Việt Nam đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 6,6%/năm.

IV. Tình hình ca cao Việt Nam:

1. Tình hình chung:

Thị trường ca cao cũng trải qua nhiều biến động mạnh, với giá ca cao tươi tại Việt Nam đầu tháng 5/2025 đã đạt mức 14.000-16.000 đồng/kg hạt tươi và 220.000-260.000 đồng/kg hạt khô, cao gấp 3-5 lần so với cùng kỳ năm 2024 và tăng 4-5 lần so với năm 2022.

Sự thiếu hụt nguồn cung toàn cầu, với mức giảm khoảng 0,6 triệu tấn so với nhu cầu, là nguyên nhân chính đẩy giá ca cao tăng vọt. Bờ Biển Ngà và Ghana – chiếm 70% sản lượng ca cao thế giới đang chịu ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, hạn hán và sâu bệnh, làm gia tăng lo ngại của các nhà thu mua.

Giá ca cao tăng mạnh đang gây áp lực lên chuỗi cung ứng. Các hợp tác xã (HTX) gặp khó khăn trong việc huy động vốn để thu mua nguyên liệu, trong khi sản lượng nội địa hạn chế dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt.

Thị trường tiêu dùng chỉ chấp nhận tăng giá bán lẻ khoảng 15%, trong khi chi phí đầu vào tăng gấp nhiều lần, đẩy ngành sản xuất chocolate toàn cầu vào nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng.

Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển ngành ca cao, đặc biệt với giống Trinitario mang tính bản địa độc đáo, được đánh giá cao trên thị trường quốc tế. Các thương hiệu chocolate lớn đã mở nhà máy tại Việt Nam, ưu tiên chế biến nguyên liệu tại chỗ để xuất khẩu, hướng đến phân khúc cao cấp.

Tại Việt Nam, theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho biết, đến nay Việt Nam chỉ còn 3.471 ha ca cao, diện tích thu hoạch 2.836 ha, sản lượng 4.786 tấn hạt khô, năng suất 16,9 tạ hạt khô/ha. Sản xuất ca cao tập trung tại các vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên hải Nam Trung bộ.